

Số: /2024/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Thi đua, khen thưởng áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và
Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết khoản 4, khoản 6 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75; khoản 6 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị lực

lượng vũ trang nhân dân và các đơn vị, địa phương ở tỉnh Gia Lai (sau đây viết tắt là các cơ quan, đơn vị, địa phương); tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương; hộ gia đình, cá nhân người Việt Nam.

2. Cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 3. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng, đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt tiêu chuẩn sau:

a) Công nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên trong năm; chấp hành tốt các nội quy, quy trình sản xuất, bảo đảm vệ sinh, an toàn lao động.

b) Nông dân, người lao động chấp hành tốt quy định của địa phương nơi cư trú; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để mang lại hiệu quả trong lao động, sản xuất.

Điều 4. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh”

1. Đối tượng:

a) Tập thể các cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Tập thể thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Tiêu chuẩn xét tặng “Cờ thi đua của tỉnh” cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua hàng năm do tỉnh tổ chức:

a) Có thành tích xuất sắc và hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua, nhiệm vụ được giao trong năm;

b) Nội bộ đoàn kết; gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tổ chức đảng, đoàn thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội.

3. Tiêu chuẩn xét tặng “Cờ thi đua của tỉnh” cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào thi đua:

a) Tổ chức, triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động; ban hành đầy đủ các văn bản thực hiện phong trào thi đua; có tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào và khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện phong trào theo thẩm quyền;

b) Hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua, nhiệm vụ đã đăng ký hoặc được giao trong phong trào; có mô hình mới, cách làm sáng tạo, đạt hiệu quả cao;

c) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 5. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” là các tập thể:

a) Phòng, ban, chi cục và đơn vị tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phòng, bộ phận thuộc chi cục và đơn vị tương đương.

c) Phòng, ban và đơn vị tương đương trực thuộc cấp huyện;

d) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

đ) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện.

e) Khoa, phòng, trạm và tổ chức, đơn vị khác tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện (có từ 05 cá nhân trở lên).

g) Doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức kinh tế khác; các đơn vị thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức kinh tế khác như xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng và tương đương (có từ 05 cá nhân trở lên).

Điều 6. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” là các tập thể:

a) Phòng, ban, chi cục và đơn vị tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phòng, bộ phận thuộc chi cục và đơn vị tương đương.

c) Phòng, ban và đơn vị tương đương trực thuộc cấp huyện;

d) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

đ) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện.

e) Khoa, phòng, trạm và tổ chức, đơn vị khác tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện.

g) Doanh nghiệp, hợp tác xã; các đơn vị thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã như xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng và tương đương.

h) Các hội, đoàn thể xã, phường, thị trấn.

Chương III **TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

Điều 7. Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể, tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, doanh nhân, trí thức, nhà khoa học đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cử tham gia và đạt thành tích xuất sắc trong kỳ thi, cuộc thi, hội diễn, giải thi đấu, liên hoan... (gọi tắt là cuộc thi) cấp quốc tế, quốc gia, khu vực, tỉnh mà chưa được khen thưởng từ cấp Bộ, ngành, tỉnh trở lên, gồm:

a) Các tập thể, cá nhân tham gia trực tiếp và đạt các giải thưởng theo quy chế, thể lệ của cuộc thi:

- Đạt giải hoặc huy chương trong cuộc thi cấp quốc tế;
- Đạt giải nhất, nhì, ba hoặc huy chương vàng, bạc, đồng trong cuộc thi cấp quốc gia;
- Đạt giải nhất, nhì hoặc huy chương vàng, bạc trong cuộc thi cấp khu vực;
- Đạt giải nhất hoặc huy chương vàng trong cuộc thi cấp tỉnh.

b) Những người trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng, huấn luyện các tập thể, cá nhân đạt giải thưởng quy định tại điểm a khoản này.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích cứu người, bảo vệ tài sản của Nhân dân hoặc của Nhà nước, gương người tốt việc tốt có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh; mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, đổi mới, đột phá, dám nghĩ, dám làm trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan cấp tỉnh ghi nhận và đề nghị khen thưởng.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho người quản lý doanh nghiệp, doanh nghiệp chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và có thành tích đóng góp vào sự phát triển của địa phương được tỉnh công nhận.

Đối với doanh nghiệp có đóng góp hiện vật hoặc tài sản được quy đổi có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên và đối với người quản lý doanh nghiệp có đóng góp hiện vật hoặc tài sản được quy đổi có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên. Số tiền đóng góp của doanh nghiệp hoặc người quản lý doanh nghiệp được tính riêng, không lấy số tiền đóng góp của doanh nghiệp hoặc người quản lý doanh nghiệp để xét đề nghị khen thưởng cùng một lần cho cả doanh nghiệp và người quản lý doanh nghiệp.

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho hộ gia đình gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội được quy đổi có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên, trường hợp hộ gia đình ở thôn/làng đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn được công nhận theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 thì mức đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội được quy đổi có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

6. Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong các trường hợp đặc biệt:

a) Tập thể, cá nhân thuộc các bộ, ngành Trung ương, các địa phương ngoài tỉnh, các học viện, trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, tập đoàn kinh tế..., có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh;

b) Tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiệm kỳ trước nhân dịp đại hội nhiệm kỳ mới của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh.

c) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có nhiều đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành, của tỉnh khi tổ chức kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống vào các năm tròn (là năm có chữ số cuối cùng là "0") của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

7. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho các trường hợp khác không quy định tại Điều này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 8. Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen

1. Giấy khen tặng cho cá nhân gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất, gương người tốt, việc tốt, gương dũng cảm, vượt khó, hoạt động từ thiện xã hội... có tác dụng, ảnh hưởng trong phạm vi sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị trở lên.

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tích cực lao động, sản xuất có hiệu quả.

d) Có mô hình hoặc sáng kiến được áp dụng trong lao động, sản xuất, công tác; tích cực hỗ trợ giúp đỡ người khác trong lao động, sản xuất và trong sinh hoạt tại khu dân cư sinh sống.

2. Giấy khen tặng cho tập thể gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất có tác dụng, ảnh hưởng trong phạm vi sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị trở lên.

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể.

3. Giấy khen tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do các cấp phát động, có phạm vi ảnh hưởng rộng rãi đối với địa phương hoặc có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội được cấp chính quyền địa phương ghi nhận.

4. Giấy khen tặng cho nông dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do địa phương phát động; có mô hình hiệu quả trong lao động, sản xuất, tương trợ giúp đỡ nông dân khác vươn lên.

Chương IV **SỐ LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG**

Điều 9. Số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng

Số lượng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng là 01 bộ hồ sơ (bản chính).

Chương V **TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**

Điều 10. Trách nhiệm thực hiện

1. Cơ quan, đơn vị, địa phương cấp nào phát động thi đua thì cơ quan, đơn vị, địa phương cấp đó tổ chức ký kết giao ước thi đua, tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết đánh giá, xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng, phát hiện tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc để khen thưởng theo thẩm quyền; đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến; thực hiện đánh giá, công khai thành tích của tập thể, cá nhân và chịu trách nhiệm về việc đề nghị khen thưởng, gồm: Hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức và cá nhân có liên quan:

a) Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác thi đua, khen thưởng.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc kê khai thành tích, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng; có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ các hiện vật khen thưởng.

4. Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình Gia Lai, các cơ quan thông tin - truyền thông trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của tỉnh về thi đua, khen thưởng; thường xuyên đăng tải khẩu hiệu, nội dung thi đua; phổ biến, nêu gương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong phong trào thi đua; tuyên truyền, phản ánh những kết quả đạt được của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; kịp thời phản ánh, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

5. Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu, đề xuất với cấp ủy đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; tổ chức, hướng dẫn hoạt động cụm, khối thi đua; phát động chuyên đề thi đua hàng năm; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...tháng 12 năm 2024 và thay thế Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng ở cơ quan, đơn vị, địa phương mình theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và Quyết định này.

2. Giao Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm Quyết định này.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ; các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 12;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ.
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Rah Lan Chung